TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11/12/2019
V*/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Nguyễn Ngọc Sửu

2.Ông Trần Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giangtham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 11/12/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXX-ST ngày 07/11/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 53/2019/ QĐST-HNGĐ ngày 25/11/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại Singapore).

Địa chỉ cuối cùng của chị Nguyễn Thị H tại Việt Nam là: Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 17/9/2019 nguyên đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn vào năm 2000 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu ở chung cùng gia đình anh

một thời gian sau ra ở riêng. Ban đầu vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 do mâu thuẫn gia đình nên chị H bỏ đi Malaysia lao động, sau vài năm đi lao động thì chị H có về thăm gia đình vài ngày sau đó lại đi, cho đến năm 2017 thì chị H có về Việt Nam và anh chị có thỏa thuận việc ly hôn nhưng không đạt được kết quả và chị H lại bỏ đi Singapore lao động và từ đó đến nay anh chị không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

-*Về con chung*: Anh và chị H có 2 con chung là cháu Nguyễn Xuân T, sinh năm 2001 và cháu Nguyễn Anh T, sinh năm 2007. Hiện nay cháu Nguyễn Xuân T đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết, còn cháu Nguyễn Anh T ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu chị H phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

-*Về tài sản, công nợ*: Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh V còn trình bày: Hiện nay chị H vẫn ở Singapore, địa chỉ cụ thể của chị H ở Singapore anh không cung cấp cho Tòa án được vì anh có hỏi địa chỉ của chị H nhưng chị H không cung địa chỉ ở Singapore cho anh, chị H vẫn liên lạc về gia đình nhưng bố mẹ đẻ chị H là ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị N trú tại: thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cố tình giấu địa chỉ nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị H được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Nguyễn Thị H.

Tại đơn trình bày đề ngày 19/8/2019 cháu Nguyễn Anh T trình bày: Cháu là con của mẹ bố Nguyễn Văn V và mẹ Nguyễn Thị H. Hiện nay cháu đang ở cùng với bố là Nguyễn Văn V. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở với bố cháu là nguyễn Văn V vì bố cháu chăm sóc cháu từ nhỏ đến nay.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H không có bản tự khai.

Ngày 17/9/2019 và ngày 27/9/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị Nguyễn Thị H là ông Nguyễn Văn L trú tại: Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông L thông báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị H; yêu cầu chị H viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông L cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở Singapore. Tuy nhiên qua 2 lần làm việc ông L vẫn giữ nguyên quan điểm là chị H ở Singapore vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở Singapore cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị H, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H biết để chị H gửi

lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị H gửi về.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của anh V; Biên bản làm việc với bố đẻ của chị H là ông Nguyễn Văn L và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn anh Nguyễn Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị H không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị H; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt chị H là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểma khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn V. Xử cho anh Nguyễn Văn V được ly hôn chị Nguyễn Thị H; Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn V nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh năm 2007. Anh Nguyễn Văn V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn V là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh V.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị H là ông Nguyễn Văn L để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông L thông báo cho chị H biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị H; Yêu cầu chị H viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông L cung cấp địa chỉ cụ thể của chị H ở Singapore. Ông Nguyễn Văn L trình bày: Chị H vẫn thường xuyên liên lạc về

gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông L vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị H cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị H biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị H theo thủ tục chung.

[2].Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn V là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị H, chị H hiện đang lao động tại Singapore nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 14418/QLXNC - P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 09/9/2019 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì chị H xuất nhập cảnh 15 lần, lần gần đây nhất là ngày 14/8/2018 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của chị H ở Việt Nam là: Thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị H kết hôn năm 2000 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp. Theo anh V trình bày: Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu và ở chung cùng gia đình anh một thời gian sau đó ra ở riêng. Ban đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 do mâu thuẫn gia đình nên chị H có bỏ đi sang Malaysia lao động, sau vài năm thì chị H có về Việt Nam và anh chị có thỏa thuận việc ly hôn nhưng không đạt được kết quả sau đó chị H lại đi sang Singapore lao động và từ đó đến nay vợ chồng anh không liên lạc gì với nhau nữa và anh cũng không liên lạc được với chị H. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn V với chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh V và chị H chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn và chị H đã bỏ đi lao động tại Malaysia, sau một thời gian thì chị H về nước vợ chồng anh chị đã có sự thỏa thuận ly hôn nhưng không đạt được kết quả và chị H lại đi lao động tại Singapore và từ đó đến nay vợ chồng anh chị không liên lạc gì với nhau nữa. Như vậy, anh V và chị H đã từ lâu không ai quan tâm ai, không liên lạc với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V. Xử cho anh V được ly hôn với chị H.

[4]. Về nuôi con chung: Anh V và chị H có 2 con chung là cháu Nguyễn Xuân T, sinh năm 2001 và cháu Nguyễn Anh T, sinh năm 2007. Hiện nay các

cháu đang ở với anh V. Ly hôn anh V đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Anh T và không yêu cầu chị H phải đóng góp phí tổn nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Xuân T đã trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh V. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay cháu Nguyễn Xuân T đã trưởng thành anh V không đề nghị giải quyết nuôi con chung là cháu T là có căn cứ;

Đối với con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh năm 2007 hiện đang ở cùng anh V được anh V chăm sóc nuôi dưỡng từ nhỏ cháu phát triển bình thường, cháu có nguyện vọng ở cùng bố. Mặt khác, chị H không có ở Việt Nam để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Nên yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Anh T của anh V là phù hợp quy định pháp luật và nguyện vọng của cháu Nguyễn Anh T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cho anh Nguyễn Văn V là người trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh năm 2007.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh V không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn V phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn V.

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn V được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2-Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Anh T, sinh năm 2007. Chị Nguyễn Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Anh Nguyễn Văn V phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2018/0000443 ngày 16/9/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh V đã nộp đủ.

3.Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Nguyễn Thị H hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã L, huyện Y.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền